TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 31/3/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;
2. Ông Bồ Quốc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ 6, ấp MĐ, xã BM, huyện M, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986, Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện M, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X (Có đơn xin vắng mặt, trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 13/12/2019, bà Nguyễn Thị D có lập văn bản vay của bà X số tiền 189.850.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận bằng lời nói theo quy định của pháp luật, vay không thời hạn, khi nào đòi thì bà X sẽ báo trước một thời gian hợp lý. Sau khi vay, bà D nói làm ăn khó khăn, do dịch bệnh không buôn bán được nên chưa trả lãi. Quá thời hạn trả, bên bà X có gửi văn bản đòi nợ ngày 29/4/2022 cho bà D nhưng bà D không thanh toán cho bà số tiền gốc và tiền lãi nên bà X khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải thanh toán số nợ vay gốc là 189.850.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 19/10/2022 với mức 0,83%/tháng x 34 tháng là 53.575.670 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Tổng cộng 243.425.670 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Ngày 27/3/2023, bà X xác định bà D đã thanh toán cho bà số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc nên bà tiếp tục yêu cầu bà D thanh toán số tiền 243.425.670 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) trừ đi số tiền 50.000.000 đồng, còn phải thanh toán là 193.435.670 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Tại bản tự khai ngày 16/02/2023, biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị D (có đơn xin vắng mặt) trình bày:

Bà D có quen bà Bảy (tức là bà Nguyễn Thị X), bà D thừa nhận có vay tiền của bà X 03 lần: Lần 1: Bà D không nhớ ngày tháng năm nhưng bà có vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), có làm văn bản, lãi suất thoả thuận với nhau bằng lời nói 6%/tháng; Lần 2: Bà D cũng không nhớ ngày tháng năm nhưng bà có vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), có làm văn bản, lãi suất thoả thuận với nhau bằng lời nói 6%/tháng; Lần 3: Bà D không nhớ ngày tháng năm nhưng bà có vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), có làm văn bản, lãi suất thoả thuận với nhau bằng lời nói 6%/tháng. Tổng cộng là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), bà D trả lãi đầy đủ nhưng khi trả lãi cũng không có giấy tờ vì tin tưởng nhau, đến khi dịch bệnh năm 2021 do không buôn bán được nên bà D chưa thanh toán gốc và lãi tiếp theo cho bà X cho đến nay. Bà D có khai trước khi kiện, bà có trả cho bà X 20.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ.

Nay, bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải thanh toán số nợ vay gốc là 189.850.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 19/10/2022 với mức 0,83%/tháng x 34 tháng là 53.575.670 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng), bà D không đồng ý, nếu bà X có giấy tờ chứng minh bà có vay số tiền 189.850.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) thì bà D thống nhất trả. Do công việc làm ăn, buôn bán hiện nay quá khó khăn và tiền lãi đã trả quá nhiều nên bà D chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và xin trả dần (Trả góp) hàng tháng mỗi tháng là 15 triệu đồng cho đến khi hết số nợ.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, hai đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 238 của Bộ

luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền vay gốc, khấu trừ vào số tiền bà X thừa nhận đã thanh toán ngày 27/3/2023 và tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện M, tỉnh Bình Dương và đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 277, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại "Giấy viết tay" đề ngày 28/11/2019 có ghi "...Còn nợ bà bảy 57.500.000 đồng; ngày 28/11/2019 có gởi 4.000.000 đồng; còn nợ bả bảy 7.350.000 đồng, ...ngày 13/12/2019 tôi Nguyễn Thị D có mượn của bà bảy Lực 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng)…người viết ký điểm chỉ ghi họ tên Nguyễn Thị D" nhưng không xác định ngày trả nợ. Như vậy, căn cứ văn bản này, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị D còn nợ tiền vay gốc của bà X là 185.850.000 đồng và ngày xác định cuối cùng là ngày 13/12/2019. Bà D cho rằng nếu bà X đưa ra chứng cứ mượn nợ thì bà sẽ đồng ý thanh toán, lời thừa nhận của bà D phù hợp với chứng cứ vay tiền, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, HĐXX có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và có lãi suất theo Điều 463 và Điều 469 Bộ luật Dân sự. Bà X cho rằng bà D không thanh toán đủ lãi suất hàng tháng nên bà gửi thư đòi tiền vay gốc, bà D cũng không thanh toán; bà X xác định đến ngày 27/3/2023, bà D có trả cho bà X được 50.000.000 đồng; bà D cho rằng trước đó, bà D có trả cho bà X 20.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ nên HĐXX không có cơ sở xem xét. Do bà D vi phạm thời hạn và nghĩa vụ thanh toán nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 189.850.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) là chưa đúng. Căn cứ theo văn bản vay nợ trên chỉ chấp nhận bà D còn nợ bà X số tiền vay gốc là 185.850.000 đồng và ngày xác định cuối cùng là ngày 13/12/2019 là phù hợp.

[4] Về khoản tiền lãi, bà X yêu cầu bà D thanh toán: Tiền lãi từ ngày 13/12/2019 đến ngày 19/10/2022 với mức 189.850.000 đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng là 53.575.670 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) là chưa đúng, nên tính lại là 185.850.000 đồng x 0,83% x 34 tháng là 52.446.870 đồng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp với pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về khoản tiền 20.000.000 đồng bà D khai có thanh toán cho bà X nhưng bà X không thừa nhận, bà D không có chứng cứ gì chứng minh nên HĐXX không chấp nhận ý kiến của bà D.

[6] Về khoản tiền lãi hàng tháng bà D cho rằng đã trả đầy đủ nhưng bà không đưa ra được chứng cứ, bà X cũng không thừa nhận nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà D.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, khấu trừ số tiền bà X thừa nhận bà D đã thanh toán ngày 27/3/2023 và tính lãi suất lại theo pháp luật quy định là hoàn toàn có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 469, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D thanh toán số tiền vay gốc là 185.850.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D thanh toán tiền lãi là 52.446.870 đồng (Năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi đồng).

3. Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc là 185.850.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) và khoản tiền lãi 52.446.870 đồng (Năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi sáu

nghìn, tám trăm bảy mươi đồng). Tổng cộng 238.296.870 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải nộp 11.914.843 đồng (Mười một triệu, chín trăm mười bốn nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng